TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Ông Lê Văn Hoàng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Đoàn Thị Ngọc L**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 06/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc L trình bày: chị L với anh Nguyễn Thanh H tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện T, tỉnh An Giang ngày 01/7/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Nguyễn Thành V,

sinh ngày 13/4/2012. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Mỗi khi mâu thuẫn thì anh H có những lời lẽ xúc phạm đến chị Lvà nhiều lần đánh chị L. Đến tháng 5 năm 2017, chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó, anh H đến sống cùng với chị L bên nhà cha mẹ ruột chị L. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống thì mâu thuẫn giữa chị Lvới anh H càng gay gắt hơn nên anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H. Về quan hệ con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 27/9/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: anh H với chị L chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T ngày 01/7/2011. Thời gian đầu anh H với chị L chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 13/4/2012. Quá trình chung sống, anh H thừa nhận đôi khi nóng giận có đánh chị L, nhưng không gây thương tích gì. Đến năm 2017, không hiểu vì sao chị L đòi dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống. Vì thương vợ và con nên anh H về sống chung với chị L tại nhà cha mẹ ruột chị L. Trong thời gian này, chị L liên tục đuổi anh H ra khỏi nhà và nhiều lần đòi ly hôn. Sự việc cứ lập đi lập lại nhiều lần nên anh H về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Anh H nhận thấy hành động của mình là không đúng vì có những lời lẽ xúc phạm đến chị L. Mặc dù, anh H đã nhiều lần đến xin lỗi và hứa sẽ khắc phục những khuyết điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý, vì anh vẫn còn thương vợ, thương con; nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, chị L được ly hôn với anh H. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thành V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Đoàn Thị Ngọc L với anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 62/KH-UBND, quyển số I/2011, ngày 01/7/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh H phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: chị L với anh H chung sống với nhau từ năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, chị L cho rằng anh H có những lời lẽ xúc phạm chị và nhiều lần xô xát lẫn nhau. Anh H thừa nhận trong quá trình chung sống thì giữa anh với chị L có xảy ra mâu thuẫn, anh H có đánh chị L nhưng không gây thương tích. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L với anh H không còn sống chung từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho chị L với anh H đoàn tụ để lo cho gia đình và nuôi dạy con chung nhưng chị L nhất quyết ly hôn với anh H. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 08/10/2018 được đại diện Ban ấp H, xã P, huyện T cung cấp thông tin: thời gian chung sống thì chị L với anh H có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và hiện tại anh H và chị L không còn sống chung. Chị L đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh H.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L với anh H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Ngọc L.

[4] Về quan hệ con chung: chị L với anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 13/4/2012. Chị Lvà anh H đều có yêu cầu nuôi con và nếu được nuôi con thì cũng không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; …"*. Cháu V đang

được chị L trực tiếp nuôi dưỡng và được học hành ổn định. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu V cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do chị Đoàn Thị Ngọc L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị chị Đoàn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 13/4/2012.

+ Giao cháu Nguyễn Thành V cho chị Đoàn Thị Ngọc L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu V đang sống chung với chị L).

+ Chị Đoàn Thị Ngọc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận chị L và anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Đoàn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Thanh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đoàn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008988 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em